

Số: 1340 /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch
được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Xây dựng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1086/BNV-CCVC ngày 05/02/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng theo Công văn số 2169/SXD-VP ngày 16/3/2026 về việc đề nghị thẩm định, trình phê duyệt vị trí việc làm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3023/TTr-SNV ngày 25/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Xây dựng, như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm: 76 vị trí, trong đó:

a) Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 06 vị trí;

b) Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ: 66 vị trí;

c) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí.

(Cụ thể theo Phụ lục I - Danh mục vị trí việc làm kèm theo)

2. Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm: theo Phụ lục II *(đính kèm)*.

Điều 2. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm

1. Trên cơ sở biên chế công chức được cấp thẩm quyền giao, danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, quyết định số lượng biên chế bố trí theo từng vị trí việc làm bảo đảm phù hợp với số lượng, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong thực tiễn *(riêng đối với bố trí các vị trí lãnh đạo, quản lý được thực hiện quy định có liên quan)*. Theo đó, sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm và tỷ lệ công chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt, bảo đảm trong số lượng biên chế được giao.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, phải bảo đảm các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoạt động liên tục, thông suốt.

2. Căn cứ theo tình hình thực tế, thường xuyên rà soát các quy định, điều kiện, tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm và cập nhật, điều chỉnh Bản mô tả công việc phù hợp theo quy định, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan, đơn vị có sự thay đổi theo các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP thì thực hiện điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tham mưu, hướng dẫn việc xác định đối tượng giữ các chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để làm căn cứ xem xét, quyết định bố trí ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương phù hợp đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP.

3. Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với trường hợp đang thực hiện các quy trình có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng công chức (điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm,...) theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày ban hành

Quyết định này thì tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Sở Xây dựng; Quyết định số 888/QĐ-UBND-HC ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Xây dựng tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TH, T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

Phụ lục I
Danh mục vị trí việc làm công chức của Sở Xây dựng
(Kèm theo Quyết định số 1340 /QĐ-UBND ngày 05/ 5 /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị/Vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	GHI CHÚ
A	LÃNH ĐẠO SỞ XÂY DỰNG		
1	Giám đốc	Chuyên viên cao cấp	
2	Phó Giám đốc	Chuyên viên cao cấp/chuyên viên chính	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
B	PHÒNG THUỘC SỞ XÂY DỰNG		
I	VĂN PHÒNG SỞ		
I.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Chánh Văn phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chánh Văn phòng		
I.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
1.3	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
1.4	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
1.5	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính	
1.6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	
1.7	Pháp chế viên chính	Pháp chế viên chính	
1.8	Pháp chế viên	Pháp chế viên	
1.9	Chuyên viên về xây dựng pháp luật (gồm xây dựng chính sách, pháp luật)	Chuyên viên	
1.10	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	
1.11	Chuyên viên chính về tổ chức - biên chế	Chuyên viên chính	
1.12	Chuyên viên về tổ chức - biên chế	Chuyên viên	
1.13	Chuyên viên chính về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Chuyên viên chính	
1.14	Chuyên viên về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Chuyên viên	

1.15	Chuyên viên chính về tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính	
1.16	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	Chuyên viên	
1.17	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính	
1.18	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	
1.19	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính	
1.20	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	
1.21	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	
1.22	Chuyên viên chính về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên chính	
1.23	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
1.24	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	
1.25	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	
1.26	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	
1.27	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Chuyên viên	
1.28	Văn thư viên	Văn thư viên	
1.29	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	
1.30	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
1.31	Cán sự về lưu trữ	Cán sự	
1.32	Chuyên viên về Thủ quỹ	Chuyên viên	
I.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
1.33	Nhân viên kỹ thuật		
1.34	Nhân viên phục vụ		
1.35	Nhân viên lái xe		
1.36	Nhân viên bảo vệ		
II	Phòng Kế hoạch - Tài chính		
II.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
2.1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2.2	Phó Trưởng phòng		
II.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
2.3	Chuyên viên chính tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên chính	

2.4	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	
2.5	Kế toán trưởng	Kế toán viên trở lên	
2.6	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	
2.7	Kế toán viên	Kế toán viên	
2.8	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp	
2.9	Chuyên viên về Thủ quỹ	Chuyên viên	
2.10	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	
2.11	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	
2.12	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên chính	
2.13	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên	
2.14	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên chính	
2.15	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên	
III	PHÒNG NHÀ VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN		
III.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
3.1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
3.2	Phó Trưởng phòng		
III.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
3.3	Chuyên viên chính về quản lý về nhà ở	Chuyên viên chính	
3.4	Chuyên viên về quản lý về nhà ở	Chuyên viên	
3.5	Chuyên viên chính về quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên chính	
3.6	Chuyên viên về quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên	
IV	PHÒNG QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ		
IV.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
4.1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
4.2	Phó Trưởng phòng		
IV.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		

4.3	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn	Chuyên viên chính	
4.4	Chuyên viên về quản lý quy hoạch quy hoạch đô thị và nông thôn	Chuyên viên	
4.5	Chuyên viên chính về quản lý kiến trúc	Chuyên viên chính	
4.6	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	
4.7	Chuyên viên chính về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên chính	
4.8	Chuyên viên về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên	
V	PHÒNG KẾT CẤU HẠ TẦNG XÂY DỰNG		
V.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
5.1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
5.2	Phó Trưởng phòng		
V.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
5.3	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên chính	
5.4	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên	
5.5	Chuyên viên chính về an ninh, an toàn giao thông	Chuyên viên chính	
5.6	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	Chuyên viên	
5.7	Chuyên viên chính về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên chính	
5.8	Chuyên viên về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên	
VI	PHÒNG VẬN TẢI - AN TOÀN GIAO THÔNG		
VI.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
6.1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
6.2	Phó Trưởng phòng		
VI.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
6.3	Chuyên viên chính về an ninh, an toàn giao thông	Chuyên viên chính	
6.4	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	Chuyên viên	
6.5	Chuyên viên chính về quản lý vận tải	Chuyên viên chính	

6.6	Chuyên viên về quản lý vận tải	Chuyên viên	
6.7	Chuyên viên chính về quản lý đăng kiểm	Chuyên viên chính	
6.8	Chuyên viên về quản lý đăng kiểm	Chuyên viên	
6.9	Chuyên viên chính về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên chính	
6.10	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên	
VII	PHÒNG KINH TẾ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG		
VII.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
7.1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
7.2	Phó Trưởng phòng		
VII.2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
7.3	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	
7.4	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	
7.5	Chuyên viên chính về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên chính	
7.6	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên	
7.7	Chuyên viên chính về giám định và quản lý chất lượng công trình xây dựng	Chuyên viên chính	
7.8	Chuyên viên về giám định và quản lý chất lượng công trình xây dựng	Chuyên viên	
VIII	PHÒNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		
VIII.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
8.1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
8.2	Phó Trưởng phòng		
VIII.2	VTVL nghiệp vụ chuyên môn ngành		
8.3	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	
8.4	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	
8.5	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên chính	

8.6	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên	
-----	--	-------------	--

Phụ lục II

Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Xây dựng
(Kèm theo Quyết định số **1340**/QĐ-UBND ngày **05/ 5** /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm	Chức vụ/Chức danh tương ứng được bố trí	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp	Giám đốc sở và tương đương	100%	
		Phó Giám đốc sở và tương đương	Không quá 50% tổng số cấp phó của người đứng đầu của toàn bộ các cơ quan chuyên môn tỉnh	Đối tượng chức danh giữ ngạch cụ thể theo quy định của cấp có thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP
2	Chuyên viên chính	<ul style="list-style-type: none">- Phó Giám đốc Sở (số lượng Phó Giám đốc sở còn lại không giữ ngạch tương ứng là chuyên viên cao cấp);- Cấp trưởng, cấp phó các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Sở;- Công chức chuyên môn của Sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên chính và tương đương.	Không quá 50% tổng số biên chế công chức được giao	
3	Chuyên viên và tương đương trở xuống	Công chức chuyên môn của sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên và tương đương trở xuống	Số lượng công chức còn lại	